

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23 tháng 11 năm 2018

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bình

2. Bà Nguyễn Ngọc Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 311/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Thu L, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số 118, tổ 4, ấp 3, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Số 109/18 B, phường 7, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

*** Bị đơn:** Anh Trần Phước S, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tổ 10, ấp 5, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Thu L trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Trần Phước S tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai và đã được UBND M cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyền số 01/2015 ngày 07/10/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S có con riêng, ham chơi không lo chăm sóc gia đình dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau, không ai nhường nhịn ai. Vợ chồng có ngồi lại với nhau để tìm ra nguyên nhân mâu thuẫn và chấn chỉnh cách sống mong gia đình hạnh phúc nhưng kết quả không đạt được. Gia đình hai bên đã hết lòng khuyên bảo vợ chồng hàn gắn để có một gia đình hạnh phúc nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 01/02/2016 cho đến nay không có gặp nhau hòa giải hàn gắn đoàn tụ gia đình nên tình cảm không còn. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trần Phước S.

- Về con chung: Tôi và anh Trần Phước S có 01 con chung tên Bùi Thị Thu T, sinh ngày 22/7/2015. Sau khi ly hôn, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Trần Phước S vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, theo bản tự khai ngày 28/9/2018 có tại hồ sơ bị đơn anh S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Bùi Thị Thu L tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai và đã được UBND M cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22, quyển số 01/2015 ngày 07/10/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, không ai nhường nhịn ai. Vợ chồng có ngôi lại với nhau để tìm ra nguyên nhân mâu thuẫn nhằm để chấn chỉnh lại cách sống mong có một gia đình hạnh phúc nhưng kết quả không đạt được. Gia đình hai bên đã hết lòng khuyên bảo vợ chồng hàn gắn để có một gia đình hạnh phúc nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 01/02/2016 cho đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Bùi Thị Thu L.

- Về con chung: Tôi và chị Bùi Thị Thu L có 01 con chung tên Bùi Thị Thu T, sinh ngày 22/7/2015. Sau khi ly hôn, tôi và chị L thỏa thuận thống nhất với nhau là giao con chung Bùi Thị Thu T cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.

+ Về thời hạn giải quyết vụ: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Bị đơn anh Trần Phước S ngày 28/9/2018 có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa theo quy định.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Bùi Thị Thu L về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

- Nguyên đơn chị Bùi Thị Thu L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Phước S, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tổ 10, ấp 5, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn anh Trần Phước S ngày 28/9/2018 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

** Về nội dung:*

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thu L và anh Trần Phước S tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai và đã được UBND Mã Đà cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/2015 ngày 07/10/2015 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị Thu L vẫn kiên quyết đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Phước S vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Còn anh Trần Phước S vắng mặt tại phiên tòa nhưng bản tự khai có tại hồ sơ anh S yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị Thu L.

Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh S là do anh S có con riêng, ham chơi không lo chăm sóc gia đình, vợ chồng tính tình không còn hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, không ai nhường nhịn ai. Vợ chồng có ngôi lại với nhau để tìm ra nguyên nhân mâu thuẫn nhằm chấn chỉnh cách sống của mỗi bên nhưng kết quả không đạt được. Gia đình hai bên đã hết lòng khuyên bảo vợ chồng hàn gắn để có một gia đình hạnh phúc nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 01/02/2016 cho đến nay không gặp nhau hòa giải hàn gắn đoàn tụ gia đình. Như đã phân tích trên, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh S.

[2]. Về nuôi con chung:

Tại phiên tòa, chị L yêu cầu Hội đồng xét xử giao con chung tên Bùi Thị Thu T, sinh ngày 22/7/2015 cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Theo bản tự khai của anh S có tại hồ sơ, anh S đồng ý giao con chung tên Bùi Thị Thu T, sinh ngày 22/7/2015 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Ý chí của anh S là tự nguyện nên ghi nhận. Chị L hiện tại là nhân viên Photoshop tiệm áo cưới M tại địa chỉ: 66-68 Đường X, phường 12, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, mức thu nhập 7.500.000 đồng đến 8.500.000 đồng/Tháng đủ điều kiện kinh tế để nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở giao cháu Bùi Thị Thu T cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con

[3]. Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố

tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Thu L và anh Trần Phước S.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Bùi Thị Thu T, sinh ngày 22/7/2015 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh S không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Thu L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số: 004755 ngày 06/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Trần Phước S vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã M (số 22 ngày 07/10/2015);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Phạm Tuấn